

#SoKyHieuVanBan

#DiaDiemNgayBanHanh

BÁO CÁO

Phân tích Chỉ số sẵn sàng cho phát triển và ứng dụng Công nghệ thông tin - Truyền thông (ICT INDEX) năm 2020 của tỉnh Quảng Nam

Thực hiện Kế hoạch số 4246/KH-UBND ngày 12/7/2021 của UBND tỉnh Quảng Nam về Tổ chức Hội nghị trực tuyến đánh giá kết quả Chỉ số PAR INDEX, Chỉ số PCI, Chỉ số PAPI, Chỉ số ICT INDEX của tỉnh và công bố kết quả xếp hạng Chỉ số cải cách hành chính của các cơ quan, đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh năm 2020”, Sở Thông tin và Truyền thông báo cáo phân tích Chỉ số sẵn sàng cho phát triển và ứng dụng Công nghệ thông tin - Truyền thông (ICT INDEX) năm 2020 của tỉnh Quảng Nam như sau:

Hệ thống chỉ tiêu đánh giá chỉ số ICT Index do Bộ Thông tin và Truyền thông phối hợp với Hội Tin học Việt Nam thực hiện điều tra, đánh giá và công bố hằng năm. Báo cáo Vietnam ICT Index 2020 cung cấp các thông tin về thực trạng phát triển và ứng dụng CNTT-TT tại Việt Nam, đồng thời đưa ra những đánh giá, xếp hạng về mức độ sẵn sàng cho phát triển và ứng dụng CNTT-TT dựa trên cơ sở số liệu thu thập được từ các khối: Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ; tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Tập đoàn kinh tế, Tổng công ty và Ngân hàng thương mại.

Chỉ số ICT Index được xây dựng bao gồm các tiêu chí/lĩnh vực:

- Hạ tầng kỹ thuật CNTT: Hạ tầng kỹ thuật của Cơ quan nhà nước; Hạ tầng kỹ thuật của xã hội.
- Nhân lực CNTT: Hạ tầng nhân lực của Cơ quan NN và nhân lực của XH.
- Ứng dụng CNTT: Ứng dụng nội bộ CQNN và Dịch vụ công trực tuyến.

ICT Index là giá trị trung bình cộng của các chỉ số thành phần. Điểm ICT không có điểm trừ, phương pháp tính qui hiện trạng ra điểm và xếp hạng từ cao xuống thấp theo điểm.

Phạm vi đánh giá bao gồm các cơ quan nhà nước và xã hội (doanh nghiệp, người dân).

1. Chỉ số ICT Index 2020

Ngày 27-4, trong khuôn khổ Tuần lễ Chuyển đổi số - Huế năm 2021, Hội Tin học Việt Nam và Vụ Công nghệ thông tin (thuộc Bộ Thông tin và Truyền thông) công bố bảng xếp hạng chỉ số sẵn sàng cho ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin Việt Nam (Vietnam ICT Index) 2020. Theo đó, xếp hạng mức độ ứng dụng CNTT của tỉnh Quảng Nam đứng thứ 28/63 tỉnh/thành phố, tụt 10 bậc so với năm 2019. Bảng xếp hạng và điểm chi tiết thành phần như sau:

STT	Năm	Chỉ số HTKT	Chỉ số HTNL	Chỉ số UD CNTT	ICT Index	Xếp hạng
1	2020	0,48	0,69	0,18	0,4490	28
2	2019	0,40	0,69	0,36	0,4820	18
3	2018	0,27	0,57	0,24	0,3616	41

Bảng xếp hạng theo từng lĩnh vực và đối tượng (CQNN và XH) như sau:

STT	Nhóm chỉ tiêu	Chỉ số			Xếp hạng		
		2020	2019	2018	2020	2019	2018
A	Hạ tầng kỹ thuật						
	Chỉ số Hạ tầng kỹ thuật CNTT của xã hội	0,5853	0,4407	0,1578	20	6	42
	Chỉ số Hạ tầng kỹ thuật CNTT của các CQNN	0,3669	0,3632	0,3900	35	31	32
	Chỉ số Hạ tầng kỹ thuật CNTT	0,4761	0,4019	0,2739	28	18	39
B	Hạ tầng nhân lực CNTT						
	Chỉ số Hạ tầng nhân lực của xã hội	0,8918	0,9538	0,6975	24	15	36
	Chỉ số Hạ tầng nhân lực của các CQNN	0,4815	0,4189	0,4405	24	20	22
	Chỉ số Hạ tầng nhân lực CNTT	0,6867	0,6864	0,5690	20	17	26
C	Ứng dụng CNTT						

	Chỉ số Ứng dụng nội bộ các CQNN	0,1590	0,2752	0,1440	40	28	51
	Chỉ số Dịch vụ công trực tuyến	0,2093	0,4400	0,3400	36	20	46
	Chỉ số Ứng dụng CNTT	0,1842	0,3576	0,2420	39	24	53

Theo kết quả đánh giá, hầu hết các chỉ số của tỉnh đều ở mức dưới trung bình (<0,5).

Điểm chi tiết các thành phần chỉ số ICT Index 2020 của tỉnh như sau:

STT	Tên chỉ tiêu	Kết quả	Mức cao nhất
A	Hạ tầng kỹ thuật		
1	Tỷ lệ MT/ CCVC	1,06	1,25
2	TL băng thông Int./CCVC	20	583,312
3	TL CQNN kết nối WAN tỉnhCPNet	21,2%	100,00%
4	Triển khai ATTT & ATDL	66,60	76,00
5	Chỉ số HTKT-CQNN	0,3669	1
B	HẠ TẦNG NHÂN LỰC CNTT		
1	Tỷ lệ cán bộ chuyên trách CNTT	1,2%	7,8%
2	Tỷ lệ CBCT trình độ từ ĐH	100%	100%
3	Tỷ lệ CBCT ATTT	1,2%	7,8%
4	Tỷ lệ CCVC được tập huấn PMNM	100%	90%
5	Tỷ lệ CCVC được tập huấn ATTT	39,6%	70%
6	Chỉ số HTNL-CQNN	0,4815	1
C	ỨNG DỤNG CNTT		
	Ứng dụng nội bộ CQNN		
1	Sử dụng thư điện tử	100%	100%

2	Triển khai các UD cơ bản	15	43,89
3	CSDL chuyên ngành	22	392,50
4	Sử dụng VB điện tử	25,44	39,40
5	Ứng dụng PMNM	3,80	79,96
6	Chỉ số UDNB-CQNN	0,1590	1
	Cung cấp DVC Trực tuyến		
1	Mức 1	84,4%	88,9%
2	Mức 2	73,3%	93,3%
3	Mức 3	61,9%	90,5%
4	Mức 4	8,8%	32,4%
5	Tổng hợp	59,3%	79,1%
6	Chỉ số DVCTT	0,2093	1

2. Phân tích nguyên nhân:

Các nội dung tiêu chí thành phần của tỉnh bị thấp điểm nguyên nhân như sau

a) Về hạ tầng kỹ thuật CNTT:

Hạ tầng CNTT trong CQNN của tỉnh đã và đang được đầu tư, tuy nhiên còn hạn chế so với các tỉnh, thành phố khác trên cả nước. Cụ thể: tỷ lệ kết nối mạng WAN còn thấp (hiện nay về tỷ lệ CQNN có kết nối mạng WAN, CPNET hầu hết các xã, phường của tỉnh chưa có kết nối mạng WAN, nên tỷ lệ thấp); tỷ lệ băng thông internet/CBCC thấp; Triển khai giải pháp đảm bảo an toàn thông tin: chưa triển khai đồng bộ, đầy đủ các giải pháp theo tiêu chí.

Đối với các Sở, ngành: hạ tầng CNTT cơ bản đáp ứng yêu cầu (hầu hết các Sở đã kết nối mạng WAN của tỉnh, tỷ lệ MT/CBCC đạt 100%). Tuy nhiên đối với cấp huyện, cấp xã: hạ tầng CNTT còn hạn chế (chưa kết nối WAN đến cấp xã, kết nối mạng, trang bị máy tính, thiết bị CNTT còn chưa đáp ứng yêu cầu).

b) Về nhân lực CNTT:

- Tỷ lệ cán bộ chuyên trách CNTT của tỉnh còn thấp, chưa có cán bộ chuyên trách về An toàn thông tin.

- Tỷ lệ cán bộ công chức được đào tạo thường xuyên về CNTT thấp, đặc biệt là đào tạo về phần mềm mã nguồn mở và an toàn thông tin.

- Một số đơn vị (cấp huyện) chưa có cán bộ chuyên trách về CNTT và cán bộ về ATTT. Về đào tạo, tập huấn CNTT: ngoài các lớp do tỉnh (Sở TTTT) tổ chức, các cơ quan, đơn vị chưa quan tâm, tổ chức đào tạo CNTT theo yêu cầu của cơ quan, đơn vị. Đặc biệt ở cấp xã, tỷ lệ cán bộ qua đào tạo tập huấn CNTT còn thấp.

c) Về ứng dụng CNTT:

Việc Xây dựng các CSDL chuyên ngành tại các cơ quan, đơn vị chưa có sự bứt phá.

- Việc triển khai ứng dụng phần mềm nguồn mở còn thấp do số lượng máy tính trạm, máy chủ có cài đặt hệ điều hành phần mềm nguồn mở đạt tỷ lệ thấp.

- Tỷ lệ cung cấp DVC trực tuyến mức độ 3,4 của tỉnh còn thấp. Việc khai thác, sử dụng các dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 chưa nhiều; tỷ lệ người dân sử dụng dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 chưa cao. Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 và 4 của tỉnh được tích hợp, cung cấp trên Cổng DVC quốc gia: trên Cổng DVCQG mới ghi nhận tỉnh Quảng Nam tích hợp, cung cấp 212 DVCTT mức độ 3, 4 trên Cổng: 0.65/1 điểm. Tỷ lệ TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4 có phát sinh hồ sơ chỉ đạt tỷ lệ 36% (292 TTHC/792 TTHC): 0.36/0.5 điểm.

3. Một số nhiệm vụ giải pháp để cải thiện chỉ số xếp hạng ICT Index của tỉnh Quảng Nam năm 2021

- Chú trọng đến việc nâng cấp hạ tầng kỹ thuật với việc đầu tư, nâng cấp và mở rộng mạng viễn thông, mạng truy nhập băng rộng với tốc độ cao; xây dựng các cột BTS tại các vùng sâu, vùng xa để tăng diện tích phủ sóng, nhằm nâng cao chất lượng cung cấp các dịch vụ viễn thông, nhất là các vùng biên giới, hải đảo, vùng sâu, vùng xa. Cùng với đó, phối hợp với các nhà mạng triển khai giải pháp duy trì ổn định số lượng thuê bao điện thoại cố định, phát triển thuê bao di động, internet, nhất là thuê bao 3G, 4G, phát triển 5G...

- Tăng cường ứng dụng CNTT trong nội bộ các cơ quan nhà nước: Triệt để ứng dụng CNTT trong các hoạt động quản lý, chỉ đạo, điều hành trên môi trường mạng như ứng dụng ký số trong ban hành văn bản điện tử; sử dụng ký số chuyên dùng trong các giao dịch điện tử của cơ quan nhà nước các cấp; tăng cường họp trực tuyến thay cho các cuộc họp truyền thống; triển khai Hệ thống

thông tin phục vụ họp và xử lý công việc đến 100% cơ quan nhà nước cấp tỉnh, huyện. Tăng cường tạo lập cơ sở dữ liệu của các ngành. Tăng cường triển khai dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4. Tiếp tục triển khai các hệ thống ứng dụng CNTT dùng chung trong toàn tỉnh.

- Chú trọng phát triển hạ tầng nhân lực CNTT. Theo đó, cùng với tích cực đầu tư cho giảng dạy về CNTT trong giáo dục phổ thông, khuyến khích các trường đại học, cao đẳng trên địa bàn mở chuyên ngành đào tạo CNTT nhằm đảm bảo nguồn nhân lực CNTT trong tỉnh; tăng cường năng lực tiếp cận với cuộc cách mạng 4.0, mà trước mắt là sử dụng các dịch vụ tiện ích của chính quyền điện tử và đô thị thông minh. Tăng cường xây dựng chương trình, kế hoạch, tổ chức tập huấn về CNTT cho cán bộ công nhân viên chức trong toàn tỉnh; rà soát, bố trí, sắp xếp, đảm bảo các cơ quan, đơn vị, địa phương đều có cán bộ chuyên trách về CNTT và an toàn thông tin. Đối với các cơ quan, đơn vị không có nhân lực bố trí chuyên trách về CNTT cần nghiên cứu hình thức thuê nhân lực CNTT để đảm bảo yêu cầu quy định.

4. Đề xuất kiến nghị

Về chỉ số ICT Index:

Để nâng cao chỉ số sẵn sàng ứng dụng CNTT ICT của tỉnh trong thời gian tới, Sở Thông tin và Truyền thông có một số đề xuất kiến nghị như sau:

- Đề nghị các Sở, ngành, địa phương tổ chức triển khai thực hiện dự án, nhiệm vụ được giao theo Quyết định số 2768/QĐ-UBND ngày 9/10/2020 của UBND tỉnh theo đúng nội dung, lộ trình đã được phê duyệt, ban hành Đề án, kế hoạch tổng thể về ứng dụng CNTT, chuyển đổi số của ngành, địa phương, nhằm thúc đẩy ứng dụng CNTT, triển khai Chính quyền điện tử tại các cấp, các ngành, góp phần nâng cao mức độ ứng dụng CNTT trên địa bàn tỉnh.

- Đề nghị các Sở, ban, ngành, UBND tỉnh các huyện, thị xã, thành phố đẩy mạnh cung cấp DVC trực tuyến mức độ 4, rà soát, triển khai 100% dịch vụ công trực tuyến lên mức độ 4 trong năm 2021 (đối với các thủ tục hành chính đủ điều kiện). Hiện nay, tỷ lệ DVC trực tuyến mức độ 3,4 của tỉnh còn thấp, tổng số thủ tục hành chính đăng ký triển khai mức độ 4 là 952/1.674 đối với cấp tỉnh (tỷ lệ 57%), 76/269 đối với cấp huyện (tỷ lệ 28%), 10/167 đối với cấp xã (tỷ lệ 6%), nguyên nhân là do nhiều đơn vị đăng ký triển khai DVC trực tuyến mức độ 4 còn thấp (có 09 đơn vị tỷ lệ <50%), ảnh hưởng đến các chỉ số về cung cấp DVC trực tuyến của tỉnh.

- Đề nghị các đơn vị đẩy mạnh tuyên truyền, nâng cao hiệu quả cung cấp DVC trực tuyến trên địa bàn tỉnh nhằm nâng cao số lượng DVC TT cũng như số hồ sơ trực tuyến thông qua các giải pháp như hoàn thiện hệ thống phần mềm. Cải tiến quy trình xử lý hồ sơ TTHC, tuyên truyền cho người dân doanh nghiệp

biết và khai thác sử dụng DVC TT.

- Đề nghị UBND các huyện, thị xã, thành phố quan tâm, chỉ đạo đẩy mạnh ứng dụng CNTT trong quản lý nội bộ và phục vụ người dân, doanh nghiệp: đầu tư nâng cấp hạ tầng CNTT, mạng nội bộ, kết nối mạng WAN và triển khai hệ thống HNTH đến cấp xã phường (hiện nay, còn 88 xã, phường chưa kết nối hệ thống hội nghị truyền hình của tỉnh, huyện). Chủ động tổ chức các lớp tập huấn cho cán bộ, công chức, đặc biệt là cho cán bộ cấp xã. Đầu tư về bảo mật, an toàn thông tin như triển khai các giải pháp đảm bảo an toàn thông tin, phòng chống virus, ...

Trên đây là báo cáo cáo phân tích Chỉ số sẵn sàng cho phát triển và ứng dụng Công nghệ thông tin - Truyền thông (ICT INDEX) năm 2020, kính trình UBND tỉnh xem xét, chỉ đạo.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (để báo cáo);
- Sở Nội vụ (để tổng hợp);
- Lưu: CNTT (Kiều), VT.

GIÁM ĐỐC